TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 15/4/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giàng Thị Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Vân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lồ Kim Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Giàng Thị D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn V1, xã T, tỉnh L. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Sùng A P, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn V1, xã T, tỉnh L. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Giàng Thị D: Bà Lò Thị Thúy Ngọc, trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2025 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Giàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Sùng A P có quan hệ yêu đương và tự nguyện chung sống như vợ chồng từ tháng 11 năm 2015. Đến ngày 11/9/2017 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã S, huyện S, tỉnh L (nay là xã T, tỉnh L) theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh Sùng A P và chị Giàng Thị D hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, không chung quan điểm trong cuộc sống, làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Giàng Thị D, anh Sùng A P đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải và anh chị đã tìm nhiều cách để khắc

phục nhưng không được cải thiện. Đến năm 2023 chị Giàng Thị D và anh Sùng A P sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau. Đến nay chị Giàng Thị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai giải quyết cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Sùng A P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Giàng Thị D và anh Sùng A P có 02 con chung là cháu Sùng A H, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2018. Hiện nay các cháu đang ở với anh Sùng A P ở Thôn V1, xã T, tỉnh L, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và được cho đi học đầy đủ. Từ khi sống ly thân chị Giàng Thị D không có nhà ở ổn định, phải sống nhờ tại nhà mẹ đẻ của chị, để đảm bảo cho các cháu có điều kiện sinh sống, học tập tốt nhất chị Giàng Thị D đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh Sùng A P tiếp tục chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Sùng A H và cháu Sùng A T đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị D có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Sùng A H và Sùng A T mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Giàng Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Giàng Thị D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Giàng Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Giàng Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh Sùng A P thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án thực hiện tống đạt các thông báo, quyết định tố tụng cho anh Sùng A P, niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng tại Tòa án và địa phương nhưng anh P vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai. Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 05/02/2026. Ông Sùng A Tỏa – trưởng Thôn V1, xã T, tỉnh L cung cấp thông tin: Anh Sùng A P, sinh năm 1996 có hộ khẩu thường trú tại Thôn V1, xã T, tỉnh L. Chị D và anh P là vợ chồng sống tại V1, xã T, tỉnh L, quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng Chị D, anh P đều đi làm ăn tại S, thi thoảng mới về nhà, hai vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng cụ thể thế nào thì ông Tỏa không nắm được. Trong thời gian chung sống với nhau Chị D và anh P có 02 người con chung, hiện nay các cháu khỏe mạnh sống cùng ông bà nội là ông Sùng A C và bà Vàng Thị X tại Thôn V1, xã T, tỉnh L, thi thoảng vợ chồng Chị D, anh P về thăm con. Mâu thuẫn của Chị D và anh P chưa được thôn hòa giải vì hai vợ chồng không đề nghị hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Sùng A C, bà Vàng Thị x khai như sau: Về quan hệ hôn nhân của anh Sùng A P và chị Giàng Thị D: chị Giàng Thị D và anh Sùng A P sau khi tìm hiểu, yêu đương đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 2015 và được gia đình hai bên làm thủ tục cưới, hỏi theo phong tục của địa phương. Đến ngày 11/9/2017 anh P, Chị D đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã S, huyện S, tỉnh L(nay là xã S, tỉnh L) trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng anh P, Chị D chung sống

cùng nhà với vợ chồng ông C, bà X tại Thôn V1, xã T, tỉnh L. Năm 2022 vợ chồng P và D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau hay cãi nhau, anh P có tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn của vợ chồng anh P, Chị D đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện. Chị D đã về sống với mẹ đẻ của chị là bà: Lý Thị D, tại thôn H, xã S, tỉnh L, còn anh Sùng A P cùng hai cháu H và T đang ở cùng nhà với vợ chồng ông Sùng A C, bà Vàng Thị x. Vợ chồng anh P, Chị D đã sống ly thân hơn 03 năm. Từ khi vợ chồng anh P, Chị D sống ly thân đến nay Ông C, bà X cùng hỗ trợ anh P trong việc trông nom, chăm sóc các cháu khi anh P đi làm. Anh P làm nghề lái xe taxi, còn Chị D đang kinh doanh bán hàng tại S, thu nhập hàng tháng của anh P, Chị D ông bà không biết rõ. Hàng tháng anh P và Chị D đều đưa tiền cho ông bà để chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu H và cháu T. Ông Sùng A C, bà Vàng Thị x đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Sùng A P được tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục hai cháu Sùng A H và Sùng A T vì anh P có nhà ở ổn định. Chị D không có nhà ở ổn định, chưa có điều kiện để đảm bảo cho các cháu yên tâm học tập.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đương sự được bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không đến Tòa án để tham gia tố tụng, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1, điều 51; khoản 1, điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị D, xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn anh Sùng A P.

Về con chung của vợ chồng: Giao cháu Sùng A H, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2018 cho anh Sùng A P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị D có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D, anh P tự thỏa thuận, Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điều 51; khoản 1, điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1, điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 35 sửa đổi bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25.6.2025 của Quốc Hội; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị D, xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn anh Sùng A P.

Về con chung của vợ chồng: Giao cháu Sùng A H, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2018 cho anh Sùng A P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Sùng A H, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2018 cho anh Sùng A P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị D có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D, anh P tự thỏa thuận, Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 31/10/2025 chị Giàng Thị D có đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Sùng A P. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Sùng A P, sinh năm 1996 có địa chỉ cư trú tại Thôn V1, xã T, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyết định của pháp luật, bị đơn vắng mặt không đến Tòa án để tham gia tố tụng, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ của bị đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Giàng Thị D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Sùng A P vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Sùng A P tự nguyện tìm hiểu, chung sống và kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh L(nay là UBND xã S, tỉnh L) theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 11/9/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị D và anh Sùng A P là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, của người làm chứng và văn bản xác minh tình trạng hôn nhân của Chị D, anh P tại địa phương và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D, anh P đã kéo dài, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Giàng Thị D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung là cháu Cháu Sùng A H, sinh ngày 06/11/2016, cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2018. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian từ năm 2023 vợ chồng Chị

D, anh P không sống chung, anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến nay các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh P. Chị Giàng Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Sùng A P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị D đề nghị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Sùng A H 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Sùng A T 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Giàng Thị D, anh Sùng A P sống ly thân đến nay các cháu Sùng A H và cháu Sùng A T đều do anh Sùng A P là người chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, hiện tại các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và được đi học đầy đủ. Anh Sùng A P có công việc và thu nhập ổn định, có nhà ở nên đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung của vợ chồng, đảm bảo các cháu được học tập và phát triển tốt. Chị Giàng Thị D ở nhờ nhà bố mẹ đẻ không có nơi ở ổn định, chị Giàng Thị D làm làm công việc kinh doanh bán hàng tại Sa Pa, thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/ 1 tháng đến 5.000.000 đồng/1 tháng. Yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với ý kiến của các cháu Sùng A H và Sùng A T, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung của chị Giàng Thị D. Giao cháu Cháu Sùng A H, sinh ngày 06/11/2016, cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2018 cho anh Sùng A P được tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị D đề nghị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Sùng A H và cháu Sùng A T số tiền 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của Chị D, phù hợp với điều kiện kinh tế và mức thu nhập của Chị D và đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển và học tập, cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Giàng Thị D và anh Sùng A P không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 35 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25.6.2025 của Quốc Hội; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị D. Xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn anh Sùng A P. Quan hệ hôn nhân của chị Giàng Thị D và anh Sùng A P chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung của vợ chồng: Giao cháu Sùng A H, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2018 cho anh Sùng A P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị D có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Sùng A H 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi; cấp dưỡng cho cháu Sùng A T 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tổng cộng Chị D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/ tháng đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải cấp dưỡng cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Giàng Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng; tổng cộng số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng);

Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001743 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Giàng Thị D còn phải nộp 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7-Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã T;
- Phòng THADS KV7 – Lào Cai;
- Lưu TA,VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng Thị Thu Trang